

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/CPTPV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy**
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353
Fax: (84.28) 3899 7848
E-mail: contact@phuongvycoffee.com
Mã số doanh nghiệp: 0310553942
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5592/2022/BQLATTP-HCM
Ngày Cấp: 02/11/2022
Nơi cấp: Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ MỘC 3

2. Thành phần: Cà phê Robusta (95%), dầu bơ thay thế (từ thực vật)*, muối.
(* Sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất (NSX): 12 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 5 kg hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp có lớp tiếp xúc với thực phẩm là nhựa PE hoặc bao bì PE có hoặc không có lớp bao giấy bên ngoài.
- Các bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy

Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chi nhánh được chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm



Handwritten signature or mark.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm
Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

55
:O!
T
A F
HI
THA

PHỤ LỤC
BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ	SỐ TCB: 04/CPTPV/2025
	CÀ PHÊ MỘC 3	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Chỉ tiêu cảm quan.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ
3	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
4	Trạng thái	Dạng hạt

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	≥ 1

3. Chỉ tiêu giá trị dinh dưỡng (Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	184 - 276
2	Chất đạm (Protein)	g/100g	14.2 - 21.4
3	Carbohydrat	g/100g	9.5 - 14.3
4	Chất béo (Total Fat)	g/100g	9.8 - 14.8
5	Natri (Sodium)	mg/100g	57.6 - 86.4

4. Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0.05

5. Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/ kg	≤ 5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM QUY CÁCH 1KG, 5 KG.

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ MỘC 3

Khối lượng tịnh: ... kg

Thành phần: Cà phê (95%), dầu bơ thay thế (từ thực vật)*, muối.

(**) Sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.*

Hướng dẫn sử dụng:

- Sản phẩm dùng cho pha phin
- Hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trung bình: Trong 100 g

Năng lượng: 230 kcal; Chất đạm: 17.8 g; Carbohydrate: 11.9 g; Chất béo: 12.3 g; Natri: 72 mg.

Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam

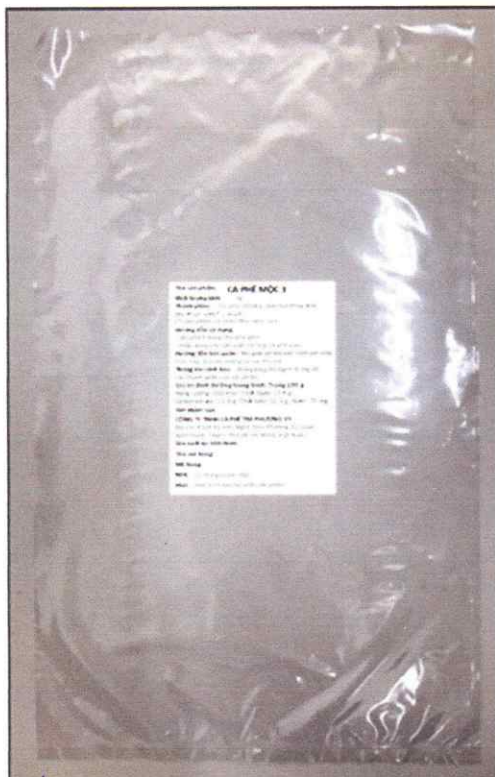
Tên mã hàng:

Mã hàng:

Số lô:

NSX: 12 tháng trước HSD

HSD: Xem trên bao bì/ nhãn sản phẩm



Hình ảnh tem nhãn, bao bì sản phẩm

Handwritten signature or mark in blue ink.

TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-143035-2

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

Head Office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Văn Phòng: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Branch: No.12, VSIP II-A, Street No. 15, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan Ward, Tan Uyen City, Binh Duong Province, Vietnam
Chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 29-May-2025

MNAQ Reference: 25-143035

Sample(s) Received: 23-May-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 23-May-2025 to 29-May-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Cà phê Mộc 3

Lab ID: 25-143035-2

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Ochratoxin A	Not Detected/ Không phát hiện (LOD=0.5)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Tro/ Ash	4.54	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-024:2023 (Ref. AOAC 938.08)
Béo/ Fat	12.3	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Đạm/ Protein (Nx6.25)	17.8	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Âm/ Moisture	1.17	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-014:2023 (Ref. AOAC 950.46)
Xơ dinh dưỡng/ Dietary Fiber	52.3	g/100 g	AOAC 985.29
Năng lượng/ Calories	230	kcal/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

Test Chi tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate	11.9	g/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Caffeine	2.33	%	FLAB-FA-MTHD-019:2024 (Ref. ISO 20481:2008)
Chi/ Lead (Pb)	<LOQ=0.01	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	<LOQ=0.01	mg/kg	AOAC 2013.06
Asen/ Arsenic (As)	0.010	mg/kg	AOAC 2013.06
Thủy ngân/ Mercury (Hg)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/kg	AOAC 2013.06
Chất chiết tan trong nước/ Water-soluble extract *	25.3	%	TCVN 12999:2020
Natri/ Sodium (Na)	723	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	230 kcal	12%
Chất đạm (Protein)	17.8 g	36%
Carbohydrate	11.9 g	4%
Chất béo (Fat)	12.3 g	22%
Natri (Sodium)	72 mg	4%
<p>% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values-NRV) là tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm</p>		



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỆP

Số: *MĐ...*/2025/CV-PV.TGD
V/v: Thay đổi cách ghi “Ngày sản
xuất, hạn sử dụng” của sản phẩm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2025

KÍNH GỬI: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy
Mã số thuế: 0310553942
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603

Công ty đã thực hiện thủ tục Tự công bố theo quy định hiện hành và đã gửi 01 bản Tự công bố cho Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương.
Sản phẩm có Tự công bố chất lượng như sau:

STT	SỐ TCB	TÊN SẢN PHẨM
1	03/CPTPV/2025	Cà phê rang xay Healthy Coffee
2	04/CPTPV/2025	Cà phê MỘC 3
3	05/CPTPV/2025	Cà phê rang xay Moka Chồn

Nay công ty chúng tôi xin thông báo với Quý Chi Cục về việc thay đổi cách ghi “Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD)” của một số sản phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Cách ghi “NSX, HSD” cũ khi chưa thay đổi	Cách ghi “NSX, HSD” mới sau khi thay đổi
Cà phê rang xay Healthy Coffee	NSX: 18 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
Cà phê MỘC 3	NSX: 12 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
Cà phê rang xay Moka Chồn	NSX: 18 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
	<i>Ví dụ: NSX: 18 tháng trước HSD HSD: 16/12/2026</i>	<i>Ví dụ: NSX: 16/06/2025 HSD: 16/12/2026</i>

Thông tin hình ảnh bao bì nhãn sản phẩm được dự thảo và đính kèm công văn này.
Công ty chúng tôi cam kết thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm như đã công bố.

Trân trọng cảm ơn Quý Chi Cục.



